

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 300 /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 06 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước, an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện địa bàn tỉnh Phú Yên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 4705/QĐ-BCT ngày 18/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung về lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 1471/QĐ-BCT ngày 15/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành về lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định 19/2016/QĐ-UBND ngày 01/6/2016 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quy định phân cấp quản lý an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của ngành công thương trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Căn cứ Quyết định số 54/2016/QĐ-UBND ngày 04/10/2016 của UBND tỉnh về phân cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 08/TTr-SCT ngày 31/01/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 18 thủ tục hành chính trong lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước, an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ 18 thủ tục hành chính trong lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước, an toàn thực phẩm tại Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 03/4/2017 và Quyết định số 2327/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *anh*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó CT UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NC_{Ki}.

CHỦ TỊCH *Thư*



Hoàng Văn Trà

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC,
AN TOÀN THỰC PHẨM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH:

SỐ TT	Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước						
1	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Phí thẩm định điều kiện kinh doanh 1.100.00 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Thông tư số 299/2016/TT/BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.	Những bộ phận còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 4705/QĐ-BCT ngày 18/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Phí thẩm định điều kiện kinh doanh 1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Thông tư số 299/2016/TT/BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất	Những bộ phận còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 4705/QĐ-

					rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.	BCT ngày 18/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương
3	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Phí thẩm định điều kiện kinh doanh 1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Thông tư số 299/2016/TT/BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.	Những bộ phận còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 4705/QĐ-BCT ngày 18/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương
4	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	- Khu vực thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng /điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 16/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.	Những bộ phận còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 4705/QĐ-BCT ngày 18/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương

				thẩm định.		Thương
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	- Không	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 16/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.	Những bộ phận còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 4705/QĐ-BCT ngày 18/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương
6	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	- Không	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 16/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.	Những bộ phận còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 4705/QĐ-BCT ngày 18/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương
7	Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn Quận,	10 ngày làm việc, kể từ ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND	- Khu vực thành phố, thị xã: 1.200.000	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu	Những bộ phận còn lại của thủ tục

	huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	nhận đủ hồ sơ hợp lệ	cấp huyện	đồng /điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 16/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.	hành chính được sao y theo Quyết định số 4705/QĐ-BCT ngày 18/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương
8	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn Quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	- Không	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 16/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.	Những bộ phận còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 4705/QĐ-BCT ngày 18/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương
9	Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn Quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	- Không	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 16/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh	Những bộ phận còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số

					doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.	4705/QĐ-BCT ngày 18/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương
10	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	- Khu vực thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng /điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 16/10/2016 của Bộ Tài chính.	Những bộ phận còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 4705/QĐ-BCT ngày 18/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương
11	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	- Không	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;	Những bộ phận còn lại của thủ tục hành chính được sao y

		sơ hợp lệ			- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 16/10/2016 của Bộ Tài chính.	theo Quyết định số 4705/QĐ-BCT ngày 18/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương
12	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	- Không	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều	Những bộ phận còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 4705/QĐ-BCT ngày 18/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương

					của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 16/10/2016 của Bộ Tài chính.	
13	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán PGL chai.	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	- Khu vực thành phố, thị xã: tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng /điểm kinh doanh/lần thẩm định; Hộ kinh doanh, cá nhân là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Khu vực khác: tổ chức, doanh nghiệp là 600.000 đồng /điểm kinh doanh/lần thẩm định; Hộ kinh doanh, cá nhân là	- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 16/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa. - Quyết định số 54/2016/QĐ-UBND ngày 04/10/2016 của UBND tỉnh về phân cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai trên địa bàn tỉnh Phú Yên.	Những bộ phận còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 4705/QĐ-BCT ngày 18/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương

				200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.		
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán PGL chai.	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	- Không	- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 16/10/2016 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 54/2016/QĐ-UBND ngày 04/10/2016 của UBND tỉnh về phân cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai trên địa bàn tỉnh Phú Yên.	Những bộ phận còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 4705/QĐ-BCT ngày 18/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương
15	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán PGL chai.	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	- Không	- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 16/10/2016 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 54/2016/QĐ-UBND ngày 04/10/2016 của UBND tỉnh về phân cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện	Những bộ phận còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 4705/QĐ-BCT ngày 18/12/2017 của Bộ trưởng

					kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai trên địa bàn tỉnh Phú Yên.	Bộ Công Thương
16	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán PGL chai.	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	- Không	- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 16/10/2016 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 54/2016/QĐ-UBND ngày 04/10/2016 của UBND tỉnh Phú Yên.	Những bộ phận còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 4705/QĐ-BCT ngày 18/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương
II. Lĩnh vực An toàn thực phẩm						
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ.	22 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	- Phí thẩm định 3.000.000 đồng/lần /hồ sơ	- Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010; - Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm; - Thông tư 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương; - Thông tư 57/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ Công Thương;	Những bộ phận còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 1471/QĐ-BCT ngày 15/4/2016 của Bộ trưởng Bộ

					- Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài Chính; - Quyết định 19/2016/QĐ-UBND ngày 01/6/2016 của UBND tỉnh Phú Yên.	Công Thương
2	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ.		- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	- Không	- Thông tư 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương về Quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương; - Thông tư 57/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 Quy định điều kiện đảm bảo An toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm; - Quyết định 19/2016/QĐ-UBND ngày 01/6/2016 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quy định phân cấp quản lý an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của ngành công thương trên địa bàn tỉnh Phú Yên.	Những bộ phận còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 1471/QĐ-BCT ngày 15/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương
	-Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		- Phí thẩm định 3.000.000 đồng/lần /hồ sơ		
	-Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực.	22 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				
	-Trường hợp cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		- Không		

					không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất.	
--	--	--	--	--	---	--

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

TT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định được bãi bỏ TTHC	Mã số TTHC
I. Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng			
1	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.	QĐ số 2327 /QĐ-UBND ngày 27/11/2017	T-PYE-273655 -TT
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.	QĐ số 2327 /QĐ-UBND ngày 27/11/2017	T-PYE-273657 -TT
3	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.	QĐ số 2327 /QĐ-UBND ngày 27/11/2017	T-PYE-273656 -TT
II. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước			
4	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	QĐ số 2327 /QĐ-UBND ngày 27/11/2017	T-PYE-273651 -TT
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	QĐ số 2327 /QĐ-UBND ngày 27/11/2017	T-PYE-273652 -TT
6	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	QĐ số 2327 /QĐ-UBND ngày 27/11/2017	T-PYE-273653-TT
7	Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ	QĐ số 2327 /QĐ-UBND ngày 27/11/2017	
8	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ	QĐ số 2327 /QĐ-UBND ngày 27/11/2017	
9	Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ	QĐ số 2327 /QĐ-UBND ngày 27/11/2017	
10	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QĐ số 2327 /QĐ-UBND ngày 27/11/2017	T-PYE-273619-TT
11	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QĐ số 682 /QĐ-UBND ngày 03/4/2017	T-PYE-273650-TT
12	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QĐ số 682 /QĐ-UBND ngày 03/4/2017	T-PYE-273641-TT
13	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán PGL chai.	QĐ số 682 /QĐ-UBND ngày 03/4/2017	T-PYE-275063-TT T-PYE-275027-TT
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán PGL chai.	QĐ số 682 /QĐ-UBND ngày 03/4/2017	T-PYE-275064-TT T-PYE-276028-TT

15	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán PGL chai.	QĐ số 682 /QĐ-UBND ngày 03/4/2017	T-PYE-276029-TT T-PYE-275065-TT
16	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán PGL chai.	QĐ số 682 /QĐ-UBND ngày 03/4/2017	T-PYE-276030-TT T-PYE-275066-TT
III. Lĩnh vực An toàn thực phẩm			
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ.	QĐ số 682 /QĐ-UBND ngày 03/4/2017	T-PYE-276031-TT
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ.	QĐ số 682 /QĐ-UBND ngày 03/4/2017	T-PYE-276032-TT